

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **613/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 29 tháng 08 năm 2024
V/v: *Xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xuân

Bà Phạm Thị Kim Dung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 462/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2024/QĐST-HPT ngày 19 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Phòng 1xx nhà K khu 7,2ha, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Hiện ở: số nhà xx ngõ 3xx T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. (Chị H có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Gia K**, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Phòng 1xx nhà K khu 7,2ha, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. (Anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Gia K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2006 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó do anh K mãi chơi đua đòi nên dẫn đến nợ nần, vợ chồng mâu thuẫn không hòa thuận, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Bản thân chị đã nhiều lần nói chuyện với anh K và tạo điều kiện nhiều lần cho nhau cơ hội, cố gắng để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, cùng nghĩ về con chung mà hòa giải mối quan hệ nhưng không thể. Hai bên gia đình cũng động viên, khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Bản thân chị và anh K cũng không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế anh chị đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm nay, chị và con chung về nhà mẹ đẻ ở tại số nhà xx ngõ 3xx T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội từ đó đến nay, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị thấy cuộc sống quá mệt mỏi, không thể cố gắng hơn được nữa. Chị xác nhận không còn tình cảm với anh K, khả năng đoàn tụ là không có nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa vì chị có báo cho anh K thì anh bảo không đến Tòa làm việc.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/01/2007. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị và anh K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị và anh K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – anh Nguyễn Gia K không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.***

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Gia K vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/01/2007. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở nguyện vọng của cháu P; chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung: chị H trình bày anh chị không có tài sản chung, vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Gia K; về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/01/2007 cho chị H trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung và tiền cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Gia K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Gia K là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại: Phòng 1xx nhà K khu 7,2ha, phường P, quận B, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Gia K không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh K theo quy định của pháp luật nhưng anh K vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn - anh Nguyễn Gia K không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Gia K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội ngày 10/7/2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H xin ly hôn anh K vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống không phù hợp. Vợ chồng không thể nói chuyện, không thể hoà giải để tiếp tục chung sống. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng một năm nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, căn cứ các chứng cứ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, qua hoà giải và xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lời trình bày của nguyên đơn, gia đình anh K cho thấy: trong thời gian chung sống của anh chị xảy ra phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã chủ động sống ly thân; Quá trình chị H làm đơn xin ly hôn, anh K mặc dù biết nhưng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm với chị H để hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa anh chị. Anh K không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh K không có mặt, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, nếu có tiếp tục chung sống thì cuộc sống anh chị cũng không hạnh phúc.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng cần sự yêu thương, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng như quy định theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có “nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc...”.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Gia K đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng chị H anh K không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Gia K. Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Gia K.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/01/2007. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con và không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh K không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H có đủ điều kiện kinh tế và điều kiện về nơi ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyên vọng của cháu Nguyễn Gia P, không làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của con chung nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Gia P cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của chị H, anh K.

[5] Về các khoản nợ: Chị H xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Gia K.

Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Gia K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Gia K có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/01/2007.

Giao cháu Nguyễn Gia P cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Gia K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về các khoản nợ: chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0030291 ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Gia K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường/xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoài Phương

